

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

(Ban hành theo Quyết định số: 647/2024/QĐ-TUETECH ngày 29 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành: 7340301

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Từ xa

Thời gian đào tạo: 4 năm

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Tên khoa thực hiện CTĐT: Khoa Kinh tế & QTKD

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện, đáp ứng:

PO1: Có phẩm chất đạo đức, chính trị, có ý thức nghề nghiệp, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

PO2: Có thể giới quan, nhân sinh quan rõ ràng, có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.

PO3: Có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, biết giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Kế toán

2. Mục tiêu cụ thể:

* Kiến thức:

PO4: Trang bị kiến thức nền tảng về nhân sinh quan, thế giới quan của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, về pháp luật, ngoại ngữ và tin học.

PLO5: Cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan đến công việc của nghề kế toán

* Kỹ năng:

PO6. Giúp người học phát triển năng lực phân tích và giải quyết vấn đề pháp lý, thâm nhập thực tế, có phẩm chất, kỹ năng cá nhân, đạo đức và các trách nhiệm xã hội khác.

PO7: Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

PO8: Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PO9: Hiểu biết và có trách nhiệm: chấp hành đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân.

PO10: Trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị. Dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với rủi ro.

II. Chuẩn đầu ra :

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
2.1	<i>Kiến thức</i>	
PLO1	Trình bày được hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin; nắm được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; diễn giải được những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và những vấn đề cơ bản của Pháp luật hiện hành;	2

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PLO2	Áp dụng được kiến thức cơ bản của các ngành Khoa học liên quan: Toán học, pháp luật, Kinh tế học để giải quyết các bài toán thuộc lĩnh vực kế toán	3
PLO3	Sử dụng các phần mềm tin học MS Windows, MS Word, MS Excel, Power Point và biết khai thác các dịch vụ nền tảng của mạng Internet trong quá trình học tập và làm việc. Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán	3
PLO4	Vận dụng các kiến thức về pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán, đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc kế toán.	3
PLO5	Vận dụng các kiến thức về tổ chức công tác kế toán (tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo kế toán...) nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong các loại hình đơn vị kế toán.	3
PLO6	Lập kế hoạch tài chính, phân tích tình hình tài chính, đánh giá các hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đơn vị đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh hiệu quả.	3
PLO7	Tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, hoạch định chính sách tài chính.	4
2.2	Kỹ năng	
PLO8	Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc, dẫn dắt chuyên môn. Thể hiện khả năng khởi nghiệp	3
PLO9	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ: Đọc, hiểu, dịch văn bản, giao tiếp bằng ngoại ngữ trong việc thực hiện các công việc kế toán. Đạt bậc 3/6 thang 6 bậc Việt Nam	3
PLO10	Kĩ năng tổng hợp cơ sở dữ liệu của đơn vị để lập các báo cáo kế toán (BCKT tài chính, BCKT quản trị)	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PLO11	Lập luận, tư duy hệ thống và giải quyết các vấn đề; khám phá và nghiên cứu các kiến thức trong lĩnh vực kế toán.	3
PLO12	Lập, kê khai, quyết toán thuế..., truyền đạt vấn đề kế toán bằng văn bản, thuyết trình... trong các loại hình đơn vị kế toán	3
2.3	<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
PLO13	Làm việc độc lập, có kỹ năng phản biện và làm việc nhóm, đàm phán với đối tác. Có năng lực lập kế hoạch dự toán, quản lý nguồn nhân lực của đơn vị kế toán.	3
PLO14	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội. Nhận thức rõ về trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh tế. Hướng dẫn, kiểm tra các công việc kế toán của bản thân và của đồng nghiệp.	3

III. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán có thể làm công tác Kế toán - Kiểm toán ở các doanh nghiệp SXKD, các tổ chức ngân hàng & phi ngân hàng và các bộ phận chức năng về kế toán và kiểm toán tại cơ quan Bộ, ngành và cơ quan khác trong, ngoài nhà nước.

Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng về chuyên ngành kế toán.

Làm giảng viên, giáo viên giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

IV. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

Có đầy đủ khả năng theo học các chương trình sau đại học tại các trường trong nước và ngoài nước.

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao.

V. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD &ĐT

- Đối tượng tuyển sinh: Người học có bằng Tốt nghiệp Trung học phổ thông
- Phạm vi tuyển sinh: Trên phạm vi toàn quốc và nước ngoài

VI. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ. Một năm có 3 học kì chính, mỗi học kì có ít nhất 15 tuần thực học và 2 tuần kiểm tra, thi học kì.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTCNTN ngày 10 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên ban hành Quy chế đào tạo đại học theo hình thức đào tạo từ xa.

VII. Điều kiện đảm bảo chất lượng của Ngành

1. Đội ngũ giảng viên, chuyên viên/ nhân viên cơ hữu giảng dạy CTĐT

TT	Học hàm – học vị	Số lượng			Tổng	Ghi chú
		GV Cơ hữu	Cán bộ QL	Nhân viên		
1	P. Giáo sư	1				1
2	Tiến sĩ	4				4
3	Thạc sĩ	18				18
	Tổng cộng	23				23

2. Thư viện

Thư viện của Trường bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử và các thư viện liên kết theo hợp đồng có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Thư viện của Trường dùng chung cho các ngành đào tạo. Thư viện Trường được xây dựng năm 2013 với tổng diện tích thư viện: 300 m² và các hạng mục cụ thể trong bảng sau:

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Số phòng đọc	2	
2	Số chỗ ngồi	150	
3	Số máy tính của thư viện	15	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí	5.000	
5	Phần mềm quản lý thư viện	1	
6	Số thư viện điện tử liên kết	3	

Thư viện TUETECH được trang bị hệ thống phần mềm quản lý thư viện chuyên nghiệp (Phần mềm thư viện điện tử trường đang sử dụng: Elib; Địa chỉ truy cập:

<http://thuvien.vietbac.edu.vn/>). Toàn bộ hệ thống sách được mã hóa bằng tem từ và kiểm soát hoàn toàn tự động. Công an ninh check in-out cho phép đảm bảo an ninh tốt nhất cho tài nguyên của Thư viện. Việc kết nối dữ liệu với Thư viện Quốc gia và một số thư viện trên thế giới cho phép người đọc có thể khai thác những nguồn tài nguyên rất lớn phục vụ công tác học tập và giảng dạy.

2.1. Thư viện sách dung chung cho sinh viên toàn trường

Thư viện sách của TUETECH có trên 450 đầu sách tương ứng với 1954 quyển, trong đó có tài liệu ngành kinh tế 396 quyển, tài liệu ngành kỹ thuật 540 quyển, tài liệu các môn cơ sở 581 quyển, Đề tài khoa học và tạp chí 437 quyển, có nhiều tài liệu điện tử. Hàng năm Trường đều mua thêm tài liệu tham khảo, giáo trình, sách giáo khoa bổ sung cho từng chuyên ngành đào tạo để đáp ứng nhu cầu của độc giả.

Tổng số đầu sách có trong thư viện

TT	Loại sách và nội dung sách	Đầu sách	Số lượng (Cuốn)
A	Giáo trình		
1	Có khí	249	828
2	Điện	181	615
3	Công nghệ thông tin	174	626
4	Kinh tế	251	899
5	Các môn cơ bản	283	834
B	Tài liệu tham khảo	281	530
1	Tài liệu chung		157
2	Ngôn ngữ Anh	24	24
3	Ngôn ngữ Hàn Quốc	252	267
4	Xây dựng	32	32
C	Tạp chí		
1	Tạp chí KH&CN của Đại học Thái Nguyên	11	1723
2	Tạp chí KH & CN Việt Nam	36	159
3	Tạp chí Tự động hóa ngày nay	28	52
4	Các Tạp chí Khác	08	12

2.3. Thư viện điện tử

Thư viện điện tử bao gồm 01 phòng làm việc được trang bị 40 máy tính để bàn, phần mềm quản lý thư viện và cơ sở dữ liệu điện tử

Phần mềm quản lý

Phần mềm thư viện điện tử trường đang sử dụng: Elib dùng để tìm kiếm và truy cập các tài liệu số trực tuyến.

Địa chỉ truy cập: <http://thuvien.vietbac.edu.vn/>

Bộ sưu tập số:

- Số lượng cơ sở dữ liệu : 5 CSDL (1306 tài liệu):
- Kỹ thuật Cơ khí : 241 tài liệu
- Điện – Điện tử: 243
- Công nghệ thông tin & truyền thông: 581
- Quản trị kinh doanh: 76
- Kế toán : 165
- Số lượng cơ sở dữ liệu (database) có mua quyền sử dụng:
- Cơ sở dữ liệu của Trung tâm Học liệu – Đại Học Thái Nguyên.
- Địa chỉ truy cập: <http://lrc.tnu.edu.vn/> bao gồm: 10 CSDL, tổng cộng 59160 đơn vị tài liệu:
- Giáo trình Tiếng Việt: 2626 tài liệu
- GT Tiếng Anh: 2400 TL tham khảo: 9381
- Tạp chí KH & CN: 3590
- Các tạp chí khác: 13968
- Luận văn, luận án: 17129
- TL Đề án 2020: 251
- Bài giảng: 653
- Kết quả nghiên cứu: 9015
- TL nghe nhìn: 147

Kho dữ liệu số (đã được lưu trữ trên máy tính của trường)

- CNTT, Truyền thông & Mạng máy tính: 50
- Kinh tế & QTKD: 40
- KH Cơ bản: 17
- Điện, điện tử: 62

2.4. Thư viện liên kết

Thư viện điện tử của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên đã kết nối với Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên và các thư viện của các trường đại học

thành viên của Đại học Thái Nguyên, với Thư viện Quốc gia và nhiều trường đại học khác trong và ngoài nước phục vụ tốt cho việc tra cứu và khai thác tài liệu cho giảng viên, cán bộ và sinh viên trong toàn trường.

[Ngày 20 tháng 1 năm 2013 Trường đã ký hợp đồng số 02/HĐNT với Trung tâm học liệu [do Đại học Thái Nguyên (ĐHTN)] quản lý. Trung tâm học liệu được hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 12/2007, là một trong 4 mô hình thư viện hiện đại của cả nước được Tổ chức Atlantic Philanthropies (Mỹ) tài trợ kinh phí thông qua RMIT Việt nam và tổ chức Đông - Tây Hội ngộ (Mỹ) xây dựng].

Tất cả CB, GV, SV của TUETECH đều đã được trang bị thẻ bạn đọc của TTHL thuộc ĐHTN như CB, GV, SV các trường thành viên của ĐHTN. CB, GV và SV có thể tra cứu vào kho tư liệu điện tử của Trường và của TTHL ở mọi lúc, mọi nơi có mạng Internet.

Tính đến thời điểm tháng 9/2016, Trung tâm học liệu ĐHTN đã sở hữu 122.319 tài liệu thuộc nhiều lĩnh vực khác, trong đó: 27.790 cuốn giáo trình, trên 5.000 cuốn tài liệu tham khảo, 8.794 luận án, luận văn, báo cáo NCKH và tài liệu khác. Trung tâm học liệu ĐHTN cũng sở hữu 45.436 tài liệu điện tử, trong đó: 3.366 giáo trình điện tử, 8.069 tài liệu chuyên khảo, tham khảo, 8.345 luận văn, luận án, 8.812 kết quả nghiên cứu, 651 bài giảng điện tử, 16.043 bài trích báo, tạp chí, 150 tài liệu nghe nhìn. Phần lớn giáo trình và tài liệu tham khảo bắt buộc đối với SV của 6 lĩnh vực đào tạo cơ khí, điện-điện tử, CNTT và mạng truyền thông, kế toán và quản trị kinh doanh mà Trường đang đào tạo đều có trong kho tài liệu điện tử này. Các tài liệu và tài liệu điện tử của Trường và của TTHL đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH tất cả các ngành học mà Trường đang đào tạo.

Hàng năm, Trường đều khảo sát ý kiến người đọc để nắm được sự đánh giá và yêu cầu của họ đối với Thư viện Nhà trường.

2.5. Tài liệu sách phục vụ cho ngành Kế toán

Tài liệu phục vụ ngành Kế toán

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
1	126 sơ đồ kế toán áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu	Hà, Thị Ngọc Hà	Tài chính	2005

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
2	261 sơ đồ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hà, Thị Ngọc Hà	Lao động xã hội	2007
3	Bài giảng Kế toán tài chính II	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Huế	2006
4	Bài giảng Kinh tế lượng	PGS.TS Nguyễn Quang Dong	ĐH Kinh tế Quốc dân	
5	Bài giảng kinh tế lượng	Nguyễn, Quang Dong	Thống kê	2006
6	Bài tập kinh tế lượng	PGS.TS Nguyễn Quang Dong	KH & KT	2006
7	Bài tập kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Nguyễn, Thị Bích Loan	Giáo dục	2009
8	Bài tập quản trị sản xuất và tác nghiệp	Nguyễn, Đình Trung	Đại học Kinh tế quốc dân	2009
9	Bài tập Quản trị tác nghiệp	Nguyễn Đình Trung	ĐH kinh tế quốc dân	2011
10	Bài tập và bài giải kế toán hợp nhất kinh doanh & hợp nhất báo cáo tài chính	Nguyễn, Phú Giang	Tài chính	2006
11	Bài tập xác suất và thống kê	Đinh, Văn Gắng	Giáo dục	2006
12	Các mô hình xác suất và ứng dụng	Nguyễn, Duy Tiến	Đại học Quốc gia Hà Nội	2005
	Câu hỏi và Bài tập Môn Thuế	Lê Xuân Trường, Vương Thị Thu Hiền	Tài chính	2007
13	Cẩm nang dành cho kế toán trưởng		Kinh tế	2015
14	Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bộ Tài chính	Tài chính	2006
15	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa 1858 - 1945	Nguyễn, Văn Khánh	Đại học Quốc Gia Hà Nội	2004
16	Đạo đức kinh doanh & văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Mạnh Quân	ĐH Kinh tế Quốc Dân	2007

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
17	Địa lý - kinh tế xã hội Việt Nam	Đỗ, Thị Minh Đức	Đại học Sư phạm	2008
18	Địa lý kinh tế - xã hội châu Âu	Bùi, Thị Hải Yến	Giáo dục	2008
19	Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	Nguyễn, Việt Thịnh	Giáo dục	2006
20	Giáo trình địa lý kinh tế - xã hội thế giới	Bùi, Thị Hải Yến	Giáo dục	2009
21	Giáo trình hành vi người tiêu dùng		Tài chính	2011
22	Giáo trình hành vi tổ chức	Bùi, Anh Tuấn	Đại học Kinh tế Quốc dân	2009
23	Giáo trình hoạch toán kế toán	Nguyễn, Thị Đông	NXB Tài chính	2007
24	Giáo trình hướng dẫn nội dung thực tập và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp chuyên ngành kế toán DNSX	Trần, Long	Nxb. Hà Nội	2007
25	Giáo trình kế hoạch hóa phát triển	Ngô, Thắng Lợi	Đại học Kinh tế Quốc dân	2009
26	Giáo trình kế toán công ty	Nguyễn, Thị Đông	Đại học Kinh tế Quốc dân	2006
27	Giáo trình kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp		Giáo dục	2011
28	Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp	Nghiêm, Văn Lợi	Tài chính	2007
29	Giáo trình kế toán máy	Trần, Thị Song Minh	Lao động Xã hội	2005
30	Giáo trình kế toán mỹ		Phương Đông	2012
31	Giáo trình kế toán Ngân sách	Trần, Đình Tuấn	Đại học Thái Nguyên	2016
32	Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp	Nguyễn, Ngọc Quang	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
33	Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp		Giáo dục Việt Nam	2009
34	Giáo trình kế toán thuế và báo cáo thuế	Phan, Đức Dũng	Lao động xã hội	2008
35	Giáo trình kế toán thương mại dịch vụ		NXB Hà Nội	2006
36	Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính	Đậu, Ngọc Châu	Tài chính	2008
37	Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính		Đại học Thái Nguyên	2016
38	Giáo trình Kiểm toán căn bản	Trần Đình Tuấn, Đỗ Thị Thúy Phương	Đại Học Thái Nguyên	2012
39	Giáo trình kiểm toán cơ bản		Bách Khoa	2014
40	Giáo trình kinh tế đầu tư	Nguyễn, Bạch Nguyệt	Đại học kinh tế Quốc dân	2007
41	Giáo trình Kinh tế học	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
42	Giáo trình kinh tế học tiền tệ - ngân hàng	Trịnh, Thị Hoa Mai	Đại học Quốc Gia Hà Nội	2004
43	Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực	Trần, Xuân Cầu	Đại học kinh tế quốc dân	2009
44	Giáo trình kinh tế phát triển	Vũ, Thị Ngọc Phùng	Lao động xã hội	2005
45	Giáo trình kinh tế phát triển	Phạm, Ngọc Linh	Đại học kinh tế quốc dân	2008
46	Giáo trình kinh tế phát triển	Nguyễn, Đình Hợi	Tài chính	2008
47	Giáo trình lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	Hoàng, Mạnh Quân	Nông Nghiệp	2007
48	Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế	Phạm, Quang Phan	Giáo Dục Việt Nam	2009
49	Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế	Trần, Bình Trọng	Thống kê	2003

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
50	Giáo trình lịch sử kinh tế	Nguyễn, Trí Dĩnh	Thống kê	2005
51	Giáo trình luật thương mại	Bùi Ngọc Cường	NXB Giáo dục Việt Nam	2010
52	Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán	Nguyễn, Thị Đồng	Tài chính	2003
53	Giáo trình lý thuyết kiểm toán	Đậu, Ngọc Châu	Tài chính	2006
54	Giáo trình lý thuyết kiểm toán	Nguyễn, Viết Lợi	Tài chính	2007
55	Giáo trình lý thuyết nhận dạng ứng dụng trong quản lý	Đỗ, Hoàng Toàn	Khoa học và kỹ thuật	2008
56	Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ	Nguyễn, Hữu Tài	NXB Kinh tế quốc dân	2007
57	Giáo trình lý thuyết thống kê	Phạm, Ngọc Kiểm	Giáo dục	2008
58	Giáo trình lý thuyết thống kê	Nguyễn, Hoàng Oanh	NXB Hà Nội	2007
59	Giáo trình Lý thuyết Thống kê	Trần Ngọc Phác, Trần Thị Kim Thu	Khoa Thống kê, ĐH Kinh tế Quốc Dân	2006
60	Giáo trình lý thuyết tiền tệ - tín dụng	Phan, Thị Thanh Hà	NXB. Hà Nội	2008
61	Giáo trình lý thuyết xác suất & thống kê toán	Hoàng, Ngọc Nhậm	Thống kê	2003
62	Giáo trình Marketing căn bản	Trần, Minh Đạo	Đại học kinh tế quốc dân	2006
63	Giáo trình marketing dịch vụ		Bưu điện	2006
64	Giáo trình marketing quốc tế	Trần, Minh Đạo	Kinh tế quốc dân	2007
65	Giáo trình marketing thương mại	Nguyễn, Xuân Quang	Lao động xã hội	2006
66	Giáo trình ngân hàng phát triển	Phạm, Thị Thu Hà	Lao động xã hội	2005
67	Giáo trình nghiên cứu marketing	Nguyễn, Viết Lâm	Kinh tế quốc dân	2007

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
68	Giáo trình nghiên cứu marketing	Nguyễn, Viêt Lâm	Kinh tế quốc dân	2007
69	Giáo trình nghiệp vụ thanh toán	Vũ, Diễm Hà	NXB Hà Nội	2006
70	Giáo trình nguyên lý kế toán		Giáo dục Việt Nam	2013
71	Giáo trình nguyên lý kế toán	Đoàn, Quang Thiệu	Khoa học và kỹ thuật	2010
72	Giáo trình Pháp luật Kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên)	Giáo Dục Việt Nam	2011
73	Giáo trình phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp sản xuất	Phuong, Thị Hồng Hà	NXB Hà Nội	2008
74	Giáo trình Phân tích Kinh Doanh	Nguyễn Văn Công	ĐH Kinh tế Quốc Dân	2009
75	Giáo trình phân tích số liệu thống kê	Đỗ, Anh Tài	Thống kê	2008
76	Giáo trình Phân tích Tài chính Doanh nghiệp	Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ	Tài chính	2008
77	Giáo trình phân tích và đầu tư chứng khoán	Nguyễn, Đăng Nam	Tài Chính	2009
78	Giáo trình phân tích và quản lý dự án đầu tư	Thái, Bá Cẩn	Giáo dục	2009
79	Giáo trình phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế	GS.TS Nguyễn Thị Cành	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2007
80	Giáo trình quản lý dự án	Từ, Quang Phương	Đại học Kinh tế quốc dân	2008
81	Giáo trình quản lý dự án đầu tư	Từ, Quang Phương	Lao động xã hội	2006
82	Giáo trình quản lý dự án đầu tư	Từ, Quang Phương	Kinh tế quốc dân	2008
83	Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công		Kinh tế Quốc dân	2013

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
84	Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ, Hoàng Toàn	Lao động xã hội	2005
85	Giáo trình quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn, Tấn Thịnh	Khoa học và kỹ thuật	2008
86	Giáo trình quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn, Tấn Thịnh	Khoa học và kỹ thuật	2008
87	Giáo trình Quản trị Chất lượng	Nguyễn Đình Phan, Đặng Ngọc Sự	ĐH Kinh tế Quốc Dân	2012
88	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Lê, Văn Tâm	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2008
89	Giáo trình quản trị học	Đoàn, Thị Thu Hà	NXB Hà Nội	2006
90	Giáo trình quản trị kinh doanh	Nguyễn, Thành Độ	Lao động xã hội	2004
91	Giáo trình quản trị nhân lực	Nguyễn, Vân Điềm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2014
92	Giáo trình quản trị nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn, Ngọc Quân	NXB Hà Nội	2007
93	Giáo trình quản trị sản xuất	Hoàng, Văn Hoan	Khoa học và kỹ thuật	2008
94	Giáo trình quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trần, Đức Lộc	NXB Tài chính	2008
95	Giáo trình quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trương, Đoàn Thê, chủ biên	Lao động xã hội	2004
96	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Trần, Đình Tuấn	Đại học Thái Nguyên	2008
97	Giáo trình tài chính tiền tệ	Nguyễn, Hòa Nhân	Tài chính	2012
98	Giáo trình tài chính tiền tệ	Nguyễn, Thị Oanh	Khoa học và kỹ thuật	2010
99	Giáo trình tâm lý học quản lý	Vũ, Dũng	Đại học Sư phạm	2007

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
100	Giáo trình thanh toán quốc tế	Nguyễn, Văn Tiến	Thống kê	2009
101	Giáo trình thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương	Nguyễn, Văn Tiến	Thống kê	2009
102	Giáo trình thanh tra tài chính	Phạm, Ngọc Ánh	Tài chính	2009
103	Giáo trình thương mại điện tử	Nguyễn, Cửu Long	NXB Hà Nội	2006
104	Giáo trình tính chi phí kinh doanh	Nguyễn, Ngọc Huyền	Đại học Kinh tế Quốc dân	2011
105	Giáo trình Tổ chức công tác kế toán	Trần Đình Tuấn, Nguyễn Thị Tuấn	Đại học Thái Nguyên	2014
106	Giáo trình xác suất thống kê	Nguyễn, Thị Minh Hà	NXB Hà Nội	2006
107	Giáo trình xác suất thống kê	Nguyễn, Đình Hiền	Đại học Sư phạm	2006
108	Giáo trình xác suất và thống kê	Phạm, Xuân Kiều	Giáo dục	2006
109	GT Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp	PGS.TS Nguyễn Thành Độ - TS. Nguyễn Ngọc Huyền	Lao động xã hội	2002
110	GT Cơ sở quản lý tài chính (Dành cho các trường ĐH, CĐ khối kinh tế)	TS. Nghiêm Sĩ Thương	GD	2010
111	GT Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân - Phạm Thị Mai Hương	ĐH kinh tế quốc dân	2009
112	GT Kế toán doanh nghiệp dịch vụ (dùng cho đại học - cao đẳng)	TS Lê Thị Thanh Hải (chủ biên) - TS Phạm Đức Hiếu - TS Đặng Thị Hoà - TS Trần Thị Hồng Mai-CN Phan Hương Thảo	GD	2009
113	GT Kế toán hành chính sự nghiệp	TS. Nguyễn Thị Minh Thọ - ThS Đặng Thị Dịu	Khoa học và kỹ thuật	2010
114	GT Kế toán ngân hàng	Lê Thị Kim Liên	ĐH Huế	2007

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
115	GT Kế toán ngân hàng thương mại	ThS. Nguyễn Văn Lộc	Tài chính	2007
116	GT Kế toán quản trị	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	ĐH Kinh tế Quốc dân	2014
117	GT kế toán tài chính (quyển 1)	TS. Trần Thị Cẩm Thanh - ThS. Tô Đình Dân - ThS. Lê Hồng Điệp	Chính trị quốc gia	2014
118	GT Kế toán tài chính doanh nghiệp (dùng cho đại học - cao đẳng)	TS Đặng Thị Hoà - TS Phạm Đức Hiếu (đồng chủ biên) - Ths Lưu Thị Duyên - Ths Nguyễn Thị Hà - TS Đặng Văn Anh - TS Lê Thị Thanh Hải - TS Trần Thị Hồng Mai - TS Phạm Thị Thu Thủy	GD	2009
119	GT Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại (dùng cho đại học - cao đẳng)	TS Trần Thị Hồng Mai (chủ biên) - TS Lê Thị Thanh Hải - TS Phạm Đức Hiếu - TS Đặng Thị Hoà - TS Phạm Thị Thu Thủy - Ths Nguyễn Thành Hưng	GD	2009
120	GT Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp	GS.TS Đặng Thị Loan	ĐH Kinh tế Quốc dân	2013
121	GT Kiểm toán tài chính	GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh - PGS.TS Ngô Chí Tuệ	ĐH Kinh tế quốc dân	2014

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
122	GT Kinh tế học vi mô(Dùng cho khối kinh tế các trường ĐH kỹ thuật)	TS Nguyễn Đại Thắng	GD	2010
123	GT Kinh tế quốc tế	GS.TS Đỗ Đức Bình - ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng	Giáo dục	2008
124	GT Kinh tế quốc tế (dùng cho đại học - cao đẳng)	Đỗ Đức Bình - Nguyễn Thị Thúy Hồng	GD	
125	GT Lịch sử các học thuyết kinh tế	TS. Trần Văn Hiếu	ĐH Cần Thơ	2006
126	GT Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS.TS Trần Bình Trọng	ĐH Kinh tế quốc dân	2009
127	GT Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS.TS An Như Hải - GS.TS Phạm Quang Phan	GD	2009
128	GT Luật đầu tư	Lê Đình Vinh	GD	2009
129	GT Luật thương mại Tập 1	TS Bùi Ngọc Cường (chủ biên) - TS Đồng Ngọc Ba - Ths Vũ Đặng Hải Yến	GD	2010
130	GT Luật thương mại Tập 2	TS Bùi Ngọc Cường (chủ biên) - TS Đồng Ngọc Ba - TS Lê Đình Vinh - Ths Đoàn Trung Kiên	GD	2010
131	GT Lý thuyết tài chính tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Hữu Tài	ĐH Kinh tế Quốc dân	2014
132	GT Lý thuyết thống kê	Nguyễn Công Nhựt	GD	2008
133	GT Marketing căn bản	GS.TS Trần Minh Đạo - Phạm Hồng	ĐH Kinh tế Quốc dân	2014

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
		Hoa - Nguyễn Hoài Long		
134	GT nghiệp vụ quản lý và kế toán kho bạc nhà nước	ThS. Nguyễn Kim Quyển - ThS. Lê Quang Cường	Thống Kê	2006
135	GT Nguyên lý kế toán (dùng cho đại học - cao đẳng)	TS Phạm Thành Long - TS Trần Văn Thuận (đồng chủ biên) PGS.TS Phạm Quang - TS Trần Quý Liên	GD	2009
136	GT Nguyên lý kinh tế học vĩ mô (Dùng cho SV các trường ĐH, CĐ khối kinh tế)	Nguyễn Văn Công	GD	2010
137	GT Nguyên lý kế toán	TS. Đoàn Quang Thiệu	Khoa học & Kỹ thuật	2010
138	GT Nguyên lý thống kê kinh tế	PGS.TS Ngô Thị Thuận - TS. Phạm Vân Hùng - TS. Nguyễn Hữu Ngoan	ĐH Nông nghiệp Hà Nội	2006
139	GT Phân tích & quản lý dự án đầu tư	Thái Bá Cẩn	GD	2009
140	GT phân tích báo cáo tài chính	PGS.TS Nguyễn Văn Công	GD	2010
141	GT Phân tích hoạt động kinh doanh	GVC.ThS Đồng Văn Đạt	Khoa học và kỹ thuật	2010
142	GT Quan hệ kinh tế quốc tế	Nguyễn Đình Quang	Hà Nội	2007
143	GT Quan hệ kinh tế Quốc tế	TS Bùi Thị Lý (chủ biên) NGUT. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm	GD	2010
144	GT Quản lý chất lượng	TS. Ngô Phúc Hạnh	Tài chính	2010

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
145	GT Quản lý chất lượng trong các tổ chức	GS.TS Nguyễn Đình Phan	Lao động xã hội	2005
146	GT Quản lý công nghệ	Nguyễn Đăng Dậu - Nguyễn Xuân Tài	Thống kê	2003
147	GT quản lý tài chính công	TS. Phạm Văn Khoan	Tài chính	2007
148	GT Quản trị chiến lược	PGS.TS Ngô Kim Thanh	ĐH kinh tế quốc dân	2011
149	GT Quản trị chiến lược	GS.TS Nguyễn Ngọc Sơn	GD	2010
150	GT Quản trị doanh nghiệp	Lê Văn Tâm - Ngô Kim Thanh	ĐH kinh tế quốc dân	2008
151	GT Quản trị học	PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà - PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền	NXB Tài chính	
152	GT Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân - Nguyễn Vân Điềm	ĐH kinh tế quốc dân	2010
153	GT Quản trị sản xuất	ĐH Cần Thơ		
154	GT Quản trị sản xuất và tác nghiệp	TS. Trương Đoàn Thề	Lao động xã hội	2004
155	GT Quản trị tài chính	Nguyễn Thị Phương Liên	Thống kê	2007
156	GT Quản trị văn phòng	Nguyễn Thành Độ - Nguyễn Thị Thảo	Lao động xã hội	2005
157	GT tài chính công	GS.TS Vũ Văn Hóa - PGS.TS Lê Văn Hưng	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN	2009
158	GT Thanh toán quốc tế	PGS.TS Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2008
159	GT Thị trường chứng khoán	TS. Bạch Đức Hiền	Tài chính	2008

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
160	GT Thống kê doanh nghiệp (Dùng trong các trường ĐH, CĐ khối kinh tế)	PGS.TS Nguyễn Công Nhựt	GD	2009
161	GT Thuế	Nguyễn Thị Liên - Nguyễn Văn Hiệu	Tài chính	2008
162	GT Thuế thực hành - lý thuyết, bài tập, bài giải	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh	Thống kê	2009
163	GT Thương mại điện tử căn bản	TS. Trần Văn Hòe	Tài chính	2010
164	GT. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Lê Trung Thành	ĐH Đà Lạt	2002
165	Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp	Nguyễn, Thị Đông	NXB Tài chính	2008
166	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ tài chính	Tài chính	
167	Hệ thống tài khoản kế toán		Tài chính	
168	Hoàn thiện dịch vụ khách hàng	Ngọc Hoa	Lao động Xã hội	2006
169	Học quản lý và marketing trong thời gian ngắn nhất	Ngọc Thái	Thống kê	2006
170	Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô	Nguyễn, Văn Ngọc	Kinh tế Quốc dân	2007
171	Hướng dẫn giải bài tập xác suất và thống kê toán	Trần, Thái Ninh	Thống kê	2002
172	Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo luật, nghị định, các chuẩn mực và chế độ kế toán thực hiện từ 30/3/2005	Nguyễn Phương Liên	Tài chính	2005
173	Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam	TS. Nguyễn Văn Bảo	Tài chính	2005

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
174	Hướng dẫn lập chứng từ kế toán - ghi sổ kế toán - lập phân tích báo cáo tài chính - nội dung báo cáo tài chính - sơ đồ kế toán DN vừa và nhỏ	Võ Văn Nhị	Thống kê	2004
175	Hướng dẫn thực hành chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp	Nguyễn, Phương Liên	Tài chính	2006
176	Hướng dẫn thực hành kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	Võ, Văn Nhị	Thống kê	2007
177	Kế toán doanh nghiệp với Excel		Thống kê	2004
178	Kế toán doanh nghiệp với Visual Foxpro		Thống kê	2004
179	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	PGS.TS Võ Văn Nhị	Giao thông vận tải	2008
180	Kế toán Ngân hàng	Trương Thị Hồng	Tài chính	2007
181	Kế toán ngân sách nhà nước và kho bạc nhà nước	Nguyễn, Đức Thanh	Thống kê	2007
182	Kế toán quản trị	Phạm Văn Dược - Đặng Kim Cương	Thống kê	2007
183	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Nguyễn, Năng Phúc	Tài chính	2007
184	Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh	Nguyễn, Phú Giang	Tài chính	2005
185	Kế toán Tài chính	Võ Văn Nhị (chủ biên)	Tài chính	2006
186	Kinh doanh chứng khoán	Nguyễn, Thị Mùi	Tài chính	2006
187	Kinh tế học đại cương	TS Trần Thị Lan Hương	GD	2009
188	Kinh tế học vi mô	Bộ GD - ĐT	GD	2010
189	Kinh tế học vĩ mô	Bộ GD - ĐT	GD	2010
190	Kinh tế lượng	Bùi, Minh Trí	Khoa học và kỹ thuật	2006

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
191	Kinh tế xây dựng	Nguyễn, Văn Thát	Xây dựng	2010
192	Kỹ thuật chào hàng trên mạng	Kim Anh	Lao động xã hội	2005
193	Kỹ thuật đo	Ninh, Đức Tồn	Giáo dục	2008
194	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng cấu trúc	Lê, Văn Phùng	Thông tin và truyền thông	2014
195	Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh	TS. Nguyễn Thế Phán	ĐH kinh tế quốc dân	2010
196	Lập chiến lược quảng cáo		Lao động xã hội	2008
197	Luật kinh tế	TS Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (chủ biên) - TS Trần Thị Hoà Bình - Ths Vũ Văn Ngọc - TS Nguyễn Hợp Toàn - PGS Nguyễn Hữu Viện	GD	2010
198	Lý thuyết kiểm toán	Nguyễn, Quang Quynh	Tài chính	2008
199	Lý thuyết và bài tập quản trị sản xuất	Nguyễn Văn Duyệt - Trương Chí Tiến		2009
200	Marketing dịch vụ	Lưu, Văn Nghiêm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008
201	Marketing đòn bẩy thần kỳ cho doanh nghiệp	Trọng Dương	Thế giới	2005
202	MBA trong tầm tay		Thống kê, Tinh Văn	2008
203	Một số phương pháp toán học hiện đại trong quản lý kinh tế	Nguyễn, Quảng	NXB Bưu điện	2008

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
204	Ngân hàng thương mại	Phan, Thị Thu Hà	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2007
205	Nghệ thuật quản lý - Marketing - bán hàng hiện đại	Nguyễn, Dương	Thống kê	2005
206	Nghệ thuật tìm kiếm khách hàng mục tiêu		Lao động xã hội	2006
207	Nghiên cứu Marketing	Luck, David J.	Thống kê	2005
208	Nghiên cứu marketing	Nguyễn, Viết Lâm	Kinh tế quốc dân	2006
209	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị - Mai Thị Hoàng Minh	Thống kê	2007
210	Nguyên lý kế toán	Phan, Đức Dũng	Văn hoá Sài Gòn	2006
211	Nguyên lý kế toán	Trần, Quý Liên	Tài chính	2007
212	Nguyên lý kế toán	Võ, Văn Nhị	Thống kê	2007
213	Nguyên lý Kế toán Mỹ	Đặng Kim Cương	Thống Kê	2008
214	Nguyên tắc kế toán	Neddles, Belverd E.	Thống kê	2003
215	Nhập môn hiện đại xác suất và thống kê	Đỗ, Đức Thái	Đại học Sư phạm	2010
216	Những nguyên lý tiếp thị	Philip Kotler & Gary Amstrong - Trần Văn Chánh (chủ biên), Huỳnh Văn Thanh (biên dịch)	Thống Kê	2004
217	Những phương thức sáng tạo chiến thắng và không chế thị trường	Kotler, Philip	Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	2008
218	Những viên tướng ngã ngựa	Nguyễn, Phương Nam	Lao động	2006
219	Phân tích hoạt động kinh tế	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang (chủ	GD	2009

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
		biên) - TS Phạm Thành Long - TS Trần Văn Thuận		
220	Phát triển thị trường dịch vụ tài chính Việt Nam trong tiến trình hội nhập	Thái, Bá Cẩn	Tài chính	2004
221	PR theo kiểu Mỹ	Dilenschneider, Robert L	Lao động xã hội	2012
222	Quản lí sản xuất & tác nghiệp	TS Nguyễn Văn Nghien	GD	2009
223	Quản lý công nghệ thông tin	Mai, Thế Nhượng	Bưu điện	2007
224	Quản lý sản xuất và tác nghiệp	Nguyễn, Văn Nghién	Giáo dục	2008
225	Quản lý tài chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng	Thái, Bá Cẩn	Tài chính	2003
226	Quản lý và đánh giá dự án	Doppler, Werner	Margraf publishers	2008
227	Quản trị bán hàng	James.M Comer	NXB Tổng hợp TP HCM	2005
228	Quản trị bán hàng	Tôn Thất Hải - Hà Thị Thùy Dương	TP HCM	2009
229	Quản trị công nghệ	Trần Thanh Lâm	ĐH Kinh tế TP HCM	
230	Quản trị công ty nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận nguồn vốn trên thị trường toàn cầu	Millstenin, Ira M.		1998
231	Quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam	Nguyễn Văn Làn	IFC	2006
232	Quản trị dự án	TS. Trịnh Thùy Anh	ĐH Mở TP HCM	2008
233	Quản trị học	Nguyễn Thanh Hội - Phan Thăng	Thống kê	2005

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
234	Quản trị kênh phân phối	Trương, Đình Chiến	Đại học Kinh tế Quốc dân	2010
235	Quản trị Marketing	Lê Thế Giới (chủ biên) - Nguyễn Xuân Lãn	GD	2010
236	Quản trị MARKETING	Trương Đình Chiến (chủ biên)	ĐH Kinh tế Quốc Dân	2012
237	Quản trị ngân hàng thương mại	Phan, Thị Cúc	Giao thông vận tải	2009
238	Quản trị Tài chính Doanh nghiệp, Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, Bài tập & đáp án	Vũ Duy Hào, Lưu Thị Hương	Giao thông Vận tải	2009
239	Tài chính - kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	Phạm, Văn Đăng	Lao động xã hội	2007
240	Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS Lưu Thị Hương - PGS.TS Vũ Duy Hào	ĐH Kinh tế Quốc dân	2009
241	Tài liệu hướng dẫn học tập - Thanh toán quốc tế	PGS.TS Trần Hoàng Ngân	TP Hồ Chí Minh	2009
242	Thống kê toán học	Nguyễn, Văn Hữu	Đại học Quốc Gia Hà Nội	2004
243	Thống kê và ứng dụng trong Bưu chính, viễn thông	GS.TS Bùi Xuân Phong	Bưu điện	2005
244	Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trực tiếp ra nước ngoài	Đinh, Trọng Thịnh	Tài chính	2006
245	Thực hiện quản trị quảng cáo	Lưu, Văn Nghiêm	Đại học Kinh tế	2011
246	Thương mại điện tử	Nguyễn Hoài Anh - Ao Thu Hoài	Thông tin và truyền thông	2011
247	Tiếp cận khách hàng	Vương, Linh	Lao động Xã hội	2006

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
248	Tổ chức công tác kế toán	PGS.TS Đoàn Xuân Tiên	Lao động - xã hội	2010
249	Tổ chức công tác kế toán	Đoàn Xuân Tiên	Lao động xã hội	2010
250	Toán kinh tế	Bùi, Minh Trí	Bách khoa Hà Nội	2008
251	Xác suất thống kê và quy hoạch thực hiện	Bùi Minh Trí		
252	Bài giảng Kế toán tài chính II	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Huế	2006
253	Bài giảng Kinh tế lượng	PGS.TS Nguyễn Quang Dong	ĐH Kinh tế Quốc dân	
254	Bài tập kinh tế lượng	PGS.TS Nguyễn Quang Dong	KH & KT	2006
255	Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bộ Tài chính	Tài chính	2006
256	Giáo trình phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế	GS.TS Nguyễn Thị Cành	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2007
257	GT Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp	PGS.TS Nguyễn Thành Độ - TS. Nguyễn Ngọc Huyền	Lao động xã hội	2002
258	GT Kế toán hành chính sự nghiệp	TS. Nguyễn Thị Minh Thọ - ThS Đặng Thị Dịu	Khoa học và kỹ thuật	2010
259	GT Kế toán ngân hàng	Lê Thị Kim Liên	ĐH Huế	2007
260	GT Kế toán ngân hàng thương mại	ThS. Nguyễn Văn Lộc	Tài chính	2007
261	GT Kế toán quản trị	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	ĐH Kinh tế Quốc dân	2014
262	GT kế toán tài chính (quyển 1)	TS. Trần Thị Cẩm Thanh - ThS. Tô	Chính trị quốc gia	2014

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
		Đình Dân - ThS. Lê Hồng Điệp		
263	GT Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp	GS.TS Đặng Thị Loan	ĐH Kinh tế Quốc dân	2013
264	GT Kiểm toán tài chính	GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh - PGS.TS Ngô Chí Tuệ	ĐH Kinh tế quốc dân	2014
265	GT Lịch sử các học thuyết kinh tế	TS. Trần Văn Hiếu	ĐH Cần Thơ	2006
266	GT Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS.TS Trần Bình Trọng	ĐH Kinh tế quốc dân	2009
267	GT Lý thuyết tài chính tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Hữu Tài	ĐH Kinh tế Quốc dân	2014
268	GT Marketing căn bản	GS.TS Trần Minh Đạo - Phạm Hồng Hoa - Nguyễn Hoài Long	ĐH Kinh tế Quốc dân	2014
269	GT nghiệp vụ quản lý và kế toán kho bạc nhà nước	ThS. Nguyễn Kim Quyên - ThS. Lê Quang Cường	Thống Kê	2006
270	GT Nguyên lý thống kê kinh tế	PGS.TS Ngô Thị Thuận - TS. Phạm Vân Hùng - TS. Nguyễn Hữu Ngoan	ĐH Nông nghiệp Hà Nội	2006
271	GT Phân tích hoạt động kinh doanh	GVC.ThS Đồng Văn Đạt	Khoa học và kỹ thuật	2010
272	GT Quan hệ kinh tế quốc tế	Nguyễn Đình Quang	Hà Nội	2007
273	GT Quản lý chất lượng	TS. Ngô Phúc Hạnh	Tài chính	2010
274	GT Quản lý chất lượng trong các tổ chức	GS.TS Nguyễn Đình Phan	Lao động xã hội	2005
275	GT Quản lý công nghệ	Nguyễn Đăng Dậu - Nguyễn Xuân Tài	Thống kê	2003

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
276	GT quản lý tài chính công	TS. Phạm Văn Khoan	Tài chính	2007
277	GT Quản trị học	PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà - PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền	NXB Tài chính	
278	GT tài chính công	GS.TS Vũ Văn Hóa - PGS.TS Lê Văn Hưng	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN	2009
279	GT Thanh toán quốc tế	PGS.TS Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2008
280	GT Thị trường chứng khoán	TS. Bạch Đức Hiền	Tài chính	2008
281	GT Thuế thực hành - lý thuyết, bài tập, bài giải	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh	Thống kê	2009
282	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam	Bộ tài chính	Tài chính	
283	Hệ thống tài khoản kế toán		Tài chính	
284	Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam	TS. Nguyễn Văn Bảo	Tài chính	2005
285	Hướng dẫn lập chứng từ kế toán - ghi sổ kế toán - lập phân tích báo cáo tài chính - nội dung báo cáo tài chính - sơ đồ kế toán DN vừa và nhỏ	Võ Văn Nhị	Thống kê	2004
286	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	PGS.TS Võ Văn Nhị	Giao thông vận tải	2008
287	Quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam	Nguyễn Văn Làn	IFC	2006
288	Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS Lưu Thị Hương - PGS.TS Vũ Duy Hào	ĐH Kinh tế Quốc dân	2009

STT	Tên Tài Liệu	Tác giả	NXB	Năm XB
289	Tài liệu hướng dẫn học tập - Thanh toán quốc tế	PGS.TS Trần Hoàng Ngân	TP Hồ Chí Minh	2009
290	Thống kê và ứng dụng trong Bưu chính, viễn thông	GS.TS Bùi Xuân Phong	Bưu điện	2005
291	Tổ chức công tác kế toán	PGS.TS Đoàn Xuân Tiên	Lao động - xã hội	2010

3. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và mạng truyền thông

Nhà trường rất quan tâm đến việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là trong giảng dạy và học tập. Toàn trường hiện có 57 máy vi tính để bàn, trong đó số máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 35 máy, số máy tính phục vụ cho công tác quản lý và công tác văn phòng là 22 máy. Mỗi CB, NV có 1 máy tính để bàn, tất cả máy tính được nối mạng Internet. Hầu hết giảng viên được trang bị máy tính xách tay phục vụ cho giảng dạy.

Nhà trường đã đầu tư hệ thống máy tính và xây dựng mạng thông tin để thuận tiện cho việc ứng dụng CNTT vào quản lý, giảng dạy và học tập cả trong trường và ngoài trường :

- Nhà trường đã xây dựng hệ thống mạng Internet gồm:
 - + 01 máy chủ với cấu hình mạnh được cài đặt phần mềm ETECH;
 - + 01 máy chủ với cấu hình mạnh được cài đặt phần mềm Edusoft;
 - + Sử dụng phần mềm VNPT.IOFFICE điều hành tổng hợp
 - + 03 đường truyền cáp quang FTTH tốc độ cao, được kết nối với tất cả máy tính của các phòng, khoa, trung tâm, giảng đường, KTX SV và phát Wi-Fi cho toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Thư viện, giảng đường và KTX đều có mạng internet, đảm bảo cho GV, sinh viên có thể truy cập tốt wifi miễn phí.

Trường cấu trúc 2 hệ thống mail nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho tất cả giảng viên, cán bộ, nhân viên và sinh viên trường theo cấu trúc: hodemten@tuetech.edu.vn (đối với cán bộ, giảng viên và nhân viên); hodemtenkhoa@tuetech.edu.vn (đối với sinh viên).

- Hệ thống phần mềm quản lý Website, E-learning cho SV và giáo viên, hệ thống phần mềm Edusoft phục vụ cho quản lý đào tạo. Tất cả CB, GV, SV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền của Trường (@tuetech.edu.vn) để phục vụ cho

công tác trao đổi thông tin giữa các thành viên của trường.

- Năm 2020, để phục vụ công tác quản lý đào tạo và thực hiện theo phương thức “đào tạo từ xa”, Nhà trường đã nâng cấp hạ tầng cơ sở kỹ thuật công nghệ thông tin: nâng cấp đường truyền, bổ sung máy chủ, máy trạm và trang bị phần mềm đào tạo từ xa chuyên dùng. Hiện nay, hạ tầng cơ sở kỹ thuật về công nghệ thông tin đã đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động đào tạo trong nhà trường và đào tạo theo hình thức ĐTTX.

PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

I. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Khối kiến thức: **125 tín chỉ**

II. Cấu trúc của chương trình dạy học

STT	Mã Số	Tên học phần	Số TC	PHÂN KỲ							
				Kỳ 1 , 2	Kỳ 3, 4	Kỳ 5,6	Kỳ 7, 8	Kỳ 9	Kỳ 10	Kỳ 11	Kỳ 12
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			36								
1	BPP301	Triết học Mác-Lê nin	3	3							
2	BBP202	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2		2						
3	BBP205	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2				
4	BBP204	Lịch sử đảng CSVN	2						2		
5	BBP203	Tư tưởng HCM	2					2			
6	BFL301	Tiếng Anh 1	3	3							
7	BFL302	Tiếng Anh 2	3		3						
8	BFL403	Tiếng Anh 3	4			4					
9	BFS206	Pháp luật đại cương	2		2						
10	BFS301	Tin học đại cương	3	3							
11	BFS307	Toán cao cấp	3	3							
12	BFS312	Lý thuyết xác suất và thống kê	3		3						
13	BPE101	Giáo dục thể chất 1		x							
14	BPE102	Giáo dục thể chất 2			x						
15		Giáo dục quốc phòng				x					
		Tự chọn 1 (Chọn 2 trong 4 HP)	4								
16.1	BFS214	Logic học đại cương	2	4							
16.2	BSH213	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2								
16.3	BAC205	Xã hội học đại cương	2								
		Cộng 1	36								
II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP											
1. Khối kiến thức cơ sở khối ngành			9								
		Bắt buộc									
17	BBA301	Kinh tế học vi mô	3	3							

18	BBA302	Kinh tế học vĩ mô	3		3						
		Tự chọn 2 (Chọn 1 trong các HP)	3								
19.1	BBA303	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3			3					
19.2	BBA304	Kinh tế lượng	3								
19.3	BBA305	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3								
19.4	BBA306	Lý thuyết ra quyết định	3								
2. Khối kiến thức cơ sở ngành			43								
		Bắt buộc									
20	BBA307	Quản trị học	3		3						
21	BBA208	Quản trị nguồn nhân lực	2				2				
22	BBA209	Quản trị tài chính	2						2		
23	BBA310	Luật kinh tế (căn bản)	3				3				
24	BBA311	Soạn thảo các văn bản quản lý kinh tế	3					3			
25	BBA312	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3				3				
26	BBA313	Marketing căn bản	3		3						
27	BCA302	Kiểm toán căn bản	3			3					
28	BCA301	Nguyên lý kế toán	3			3					
29	BBA314	Nguyên lý thống kê	3			3					
30	BBA215	Nguyên lý quản lý kinh tế	2					2			
31	BBA316	Phân tích hoạt động kinh doanh	3					3			
32	BBA217	Lập và phân tích dự án đầu tư	2						2		
33	BBA218	Thống kê doanh nghiệp	2						2		
		Tự chọn 3 (Chọn 2 trong các HP)	6								
34.1	BBA319	Thị trường chứng khoán	3				6				
34.2	BBA320	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3								
34.3	BBA321	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3								
34.4	BBA322	Quản lý dự án	3								

34.5	BFS310	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3								
34.6	BBA323	Thương mại điện tử	3								
		Cộng II (1)	52								
3. Khối kiến thức chuyên ngành Kế toán DNCN			25								
		Bắt buộc									
35	BCA303	Kế toán tài chính 1	3				3				
36	BCA304	Kế toán tài chính 2	3					3			
37	BCA305	Kế toán tài chính 3	3						3		
38	BCA306	Tổ chức công tác kế toán	3					3			
39	BCA207	Kế toán thuế	2							2	
40	BCA208	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	2							2	
41	BCA209	Kế toán hành chính sự nghiệp	2						2		
42	BCA310	Kế toán máy	3						3		
		Tự chọn 4 (Chọn 2 trong các HP)	4								
43.1	BCA211	Kế toán ngân hàng	2							4	
43.2	BCA212	Kế toán quốc tế	2								
43.3	BCA213	Kế toán quản trị	2								
43.4	BCA214	Kế toán thương mại dịch vụ	2								
43.5	BCA215	Kế toán ngân sách xã phường	2								
43.6	BCA216	Kiểm toán kế toán tài chính doanh nghiệp	2								
			12								
44	BCA417	TTTN chuyên ngành Kế toán	4								4
45	BCA818	KLTN chuyên ngành Kế toán	8								8
		Cộng II (2)	37								
		Tổng (I + II)	125								

III. Cách thức đánh giá

1. Cách thức đánh giá chung toàn khóa:

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D, tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

2. Cách thức đánh giá học phần:

2.1 Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận)

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần và Điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:
 - Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.
 - Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.
- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:
 - Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.
 - Số lần kiểm tra thường xuyên: Khoa, tổ môn quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần.
- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.
 - Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức

độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:

Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:

- Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
- Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
- Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
- Nghỉ học từ 30% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
- Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.

Theo mức độ hoàn thành những nhiệm vụ của giảng viên giao: Do giảng viên giảng dạy chủ động đánh giá, điểm số tối đa là 2 điểm.

- Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2.2. Đối với các học phần thực hành:

- Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần được xác định như sau:

a. Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

b. Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

3. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt:	A (8,5 - 10)	Giỏi
	B (7,0 - 8,4)	Khá

	C (5,5 - 6,9)	Trung bình
	D (4,0 – 5.4)	Yếu
Loại không đạt:	F (0 - 3,9)	Kém

2.3. Đối với học phần Thực tập cuối khóa, làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Việc đánh giá mỗi đề án, khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Hiệu trưởng ban hành.

2. Điểm của đề án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ. Kết quả chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần, kể từ ngày nộp đề án, khóa luận tốt nghiệp. Điểm đề án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có đề án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F+, F, phải đăng ký làm lại đề án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đề án, khóa luận tốt nghiệp.

IV. Mô tả học phần

1. Triết học Mac – Lê Nin : Triết học Mác- Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác – Lenin, là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo khối đại học trong cả nước. bao gồm vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng với các nội dung vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Học phần cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam...

Ngoài ra, học phần cũng hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXH KH) trang bị cho sinh viên những kiến thức về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; Những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ Chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên Chủ nghĩa xã hội, Chủ nghĩa cộng sản.

4. Lịch sử Đảng CSVN: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Cung cấp cho sinh viên kiến thức bao gồm hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Nội dung của môn học bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người.

Qua đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức được trang bị để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

6. Tiếng Anh 1: Tiếng Anh học phần 1 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát

triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

7. Tiếng Anh 2: Tiếng Anh học phần 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

8. Tiếng Anh 3: Tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

9. Pháp luật đại cương : Học phần này cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

10. Tin học đại cương : Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động

cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

11. Toán cao cấp : Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về toán học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành kinh tế và công nghệ. Nội dung chính của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về: Lý thuyết giới hạn, liên tục, phép tính vi phân, phép tính tích phân của hàm một biến số; Đạo hàm riêng, vi phân toàn phần, cực trị của hàm nhiều biến số. Qua đó phát triển cho sinh viên năng lực phân tích, tổng hợp, phát hiện và giải quyết vấn đề, đánh giá, xử lý các bài toán trong lĩnh vực chuyên ngành.

12. Lý thuyết xác suất và thống kê toán : Học phần là trang bị cho các nhà kinh tế tương lai phần đảm bảo về mặt toán học cho quá trình thu thập và xử lý thông tin kinh tế - xã hội. Sinh viên phải nắm được các kiến thức cơ bản về Xác suất - Thống kê làm nền tảng cho học tập và nghiên cứu các môn thuộc khối chuyên ngành. Đặc biệt là biết vận dụng lý thuyết xác suất, thống kê Toán vào giải quyết các bài toán thực tiễn.

13. Giáo dục thể chất 1: GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

14. Giáo dục thể chất 2: Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

15. Giáo dục quốc phòng

Giáo dục quốc phòng: học trong 5 tuần theo kế hoạch của Trung tâm Giáo dục quốc phòng.

Sinh viên phải có chứng chỉ giáo dục quốc phòng là điều kiện cần để xét tốt nghiệp.

16. Logic học đại cương : Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.

17. Xã hội học đại cương : Học phần Xã hội học đại cương giúp trang bị những tri thức khoa học về sự phát triển của xã hội theo những quy luật khác quan vốn có của nó, chỉ ra nguồn gốc, cách thức diễn biến và cơ chế của các quá trình xã hội, của các mối quan hệ giữa con người với xã hội. Qua đó, xã hội học xây dựng và phát triển hệ thống lý luận phương pháp luận nghiên cứu về xã hội. Môn Xã hội học đại cương có vai trò quan trọng trong nhận thức giúp chúng ta giải thích và dự báo xã hội, cả lý luận và phương tiện nhận thức xã hội.

18. Kinh tế học vi mô : Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần được trình bày trong 8 chương, bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ. Qua đó, người học có khả năng vận dụng các kiến thức liên quan đến Kinh tế học vi mô vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

19. Kinh tế học vĩ mô : Kinh tế vĩ mô là môn học cơ sở của lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý. Môn học nghiên cứu và xem xét nền kinh tế với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Bằng phương pháp mô hình hóa, trừu tượng hóa khoa học, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái

của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như tổng cung, tổng cầu, thất nghiệp, lạm phát, tăng trưởng kinh tế... sẽ được đề cập và giải thích giúp người học có thể hiểu và vận dụng chúng trong phân tích thực tiễn kinh tế của mỗi quốc gia

20. Lịch sử các học thuyết kinh tế: Lịch sử các học thuyết kinh tế cung cấp đầy đủ kiến thức về các quan điểm kinh tế của các trường phái, các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện của chúng từ trước đến nay. Trong quá trình học, sinh viên sẽ nắm được quá trình hình thành, phát sinh, phát triển của từng hệ thống quan điểm kinh tế. Đánh giá các quan điểm kinh tế trong từng thời kỳ với nhau để thấy được ưu nhược điểm và hạn chế của những quan điểm này từ đó có cách nhìn khái quát nhất về quá trình phát triển kinh tế cho đến ngày nay cũng như rút ra những bài học, quan điểm riêng cho bản thân. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được một cách có hệ thống các quan điểm, các học thuyết kinh tế của các trường phái và các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện chúng. Từ đó, có các kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành Kinh tế khác.

21. Kinh tế lượng: Môn học cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro... với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

22. Tâm lý học quản trị kinh doanh: Tâm lý học quản trị kinh doanh là một học phần rất quan trọng đối với chuyên ngành quản trị kinh doanh nói riêng và ngành kinh tế nói chung. Bản thân môn học sẽ giúp người nghiên cứu biết được các hiện tượng tâm lý của con người và các quy luật tâm lý đó diễn ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn thế nữa, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận thực tiễn về tâm lý trong hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh, từ đó rèn luyện được các kỹ năng cơ bản, cần thiết trong vấn đề giao tiếp như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng viết, kỹ năng nói. Môn học không chỉ giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về các hiện tượng tâm lý thường xảy ra mà còn giúp cho sinh viên vận dụng chúng vào đời sống hàng ngày cũng như công việc trong tương lai.

23. Lý thuyết ra quyết định: Môn học này sẽ cung cấp và trang bị cho người học các tri thức và kỹ năng phát hiện vấn đề, tìm kiếm nguyên nhân, đề xuất các phương án và lựa chọn quyết định một cách khoa học, sáng tạo và hiệu quả dựa trên những phân tích cả

định tính và định lượng

24. *Quản trị học:* Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị các hoạt động của một tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu chung. Giúp sinh viên có khả năng phân tích tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để xây dựng chính sách phát triển của tổ chức thông qua các chức năng của hoạt động quản trị.

25. *Quản trị nguồn nhân lực:* Học phần Quản trị nhân lực sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về quá trình quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình quản trị nhân lực như vai trò con người trong lao động sản xuất; Phân tích công việc; Lập kế hoạch nhân lực; Tuyển chọn nhân viên; Tổ chức quá trình lao động; Định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Đào tạo và phát triển nhân lực; Vấn đề trả công lao động và Mối quan hệ lao động trong doanh nghiệp tương ứng với 3 giai đoạn: Hình thành, sử dụng và phát triển nhân lực trong tổ chức doanh nghiệp.

26. *Quản trị tài chính:* Học phần Học phần quản trị tài chính cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: những vấn đề chung về quản trị tài chính, định giá tài sản tài chính(cổ phiếu, trái phiếu), chi phí huy động và sử dụng vốn (chi tiết cho từng nguồn vốn huy động tại doanh nghiệp), quy trình đánh giá, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; huy động vốn trên thị trường tài chính, xem xét cơ cấu tài chính, các chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu, các hoạt động quản trị vốn kinh doanh, cách xác định chi phí, doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp, các vấn đề về phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp (nhóm chỉ tiêu về: khả năng thanh toán, khả năng hoạt động , khả năng sinh lời) và hoạch định kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.

27. *Luật Kinh tế:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Khái quát chung về luật kinh tế; vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về phá sản; pháp luật lao động.. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi

hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

28. Soạn thảo các văn bản quản lý kinh tế : Môn học Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản và cách thức soạn thảo một số loại văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng. Môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm văn bản, chức năng của văn bản, vấn đề thể thức văn bản, yêu cầu khi soạn thảo văn bản hành chính, quy trình soạn thảo văn bản hành chính; cách thức soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường như công văn, biên bản, thông báo, tờ trình, báo cáo, đơn từ..., kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa, chiến lược, kế hoạch, dự án, giải pháp doanh nghiệp...; kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng tặng cho tài sản...

29. Lý thuyết tài chính tiền tệ : Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

30. Marketing Căn bản : Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình

quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

31. Kiểm toán căn bản : Học phần này cung cấp cho người học lý thuyết cơ bản về kiểm toán như: khái niệm, bản chất của kiểm toán, chức năng của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản liên quan đến kiểm toán và ý nghĩa của kiểm toán trong công tác quản lý, các khái niệm sử dụng trong kiểm toán, khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ, các kỹ thuật kiểm toán và quy trình kiểm toán.

32. Nguyên lý kế toán : Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, kế toán các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.

33. Nguyên lý thống kê : Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê. Bên cạnh đó, người học còn áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề KT-XH; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ

giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong việc đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong hoạt động kinh tế, kinh doanh và quản lý thực tế.

34. Kiểm toán căn bản : Học phần này cung cấp cho người học lý thuyết cơ bản về kiểm toán như: khái niệm, bản chất của kiểm toán, chức năng của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản liên quan đến kiểm toán và ý nghĩa của kiểm toán trong công tác quản lý, các khái niệm sử dụng trong kiểm toán, khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ, các kỹ thuật kiểm toán và quy trình kiểm toán.

35. Phân tích hoạt động kinh doanh: Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức nhằm hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

36. Lập và phân tích dự án đầu tư : Môn Lập và phân tích dự án đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập và phân tích dự án đầu tư như trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác tổ chức soạn thảo, lập dự án đầu tư, nội dung, phương pháp phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư...Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng để phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định đầu tư.

37. Thống kê doanh nghiệp : Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó xác định được các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập.

38. Thị trường chứng khoán : Môn học này cung cấp cho người học nắm được những kiến thức chung nhất về thị trường chứng khoán: lịch sử hình thành, khái niệm, phân loại, chức năng, nguyên tắc hoạt động, những tác động tích cực và tiêu cực của thị trường chứng khoán; Những vấn đề cơ bản về hàng hóa trên thị trường chứng khoán: cổ phiếu,

trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư và chứng khoán phái sinh; Các chủ thể tham gia trên thị trường chứng khoán: Chủ thể phát hành, nhà đầu tư, các tổ chức kinh doanh trên thị trường chứng khoán và các tổ chức có liên quan đến thị trường chứng khoán; Hiểu biết về các loại chứng khoán giao dịch trên thị trường; Các phương thức phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán sơ cấp; Cách thức giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung và thị trường chứng khoán phi tập trung; Cũng như cách thức quản lý của nhà nước trên thị trường chứng khoán. Giúp sinh viên có khả năng hiểu được những giao dịch diễn ra trên thị trường chứng khoán và phân tích được những biến động diễn ra trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề về chứng khoán trên thực tế như thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán.

39. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: Môn học giúp người học hiểu và nắm được những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ của NHTM bao gồm: những vấn đề chung về NHTM, nghiệp vụ ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân và các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại. Ngoài ra, Người học có khả năng lựa chọn, phối hợp, vận dụng sáng tạo một số nghiệp vụ ngân hàng cơ bản để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phục vụ đời sống của các doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân như: mở tài khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm; thực hiện các giao dịch, vay vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; sử dụng các sản phẩm ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, dự trữ và phòng ngừa rủi ro tỷ giá, dịch vụ ATM...

40. Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương: Học phần Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương là một môn học cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế, các nghiệp vụ giao dịch và thanh toán trên thị trường ngoại thương. Đó là các phương thức hay được dùng trong giao dịch ngoại thương. Các tập quán thương mại quốc tế mà nó đã trở thành các điều kiện thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi. Các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các công việc cần chuẩn bị cho một quá trình giao dịch. Các nghiệp vụ, chứng từ thanh toán quốc tế và quá trình giao dịch ngoại thương được diễn ra như thế nào. Cùng với việc cung cấp cho người học các kiến thức kinh doanh ngoại thương, các cách thức tiến hành một thương vụ kinh doanh quốc tế thì môn học cũng góp phần giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý các nghiệp vụ ngoại thương, quản lý các

giao dịch kinh doanh quốc tế.

41. Quản lý dự án đầu tư : Học phần quản lý dự án đầu tư nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quản lý dự án đầu tư. Nhiệm vụ chính của học phần là luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, học phần cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án.

42. Phương pháp nghiên cứu khoa học : Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học cái nhìn tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó đưa ra các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến các phương pháp xử lý số liệu như thống kê mô tả, phương pháp phân tích định tính, phân tích định lượng để phục vụ cho nghiên cứu được tốt hơn; hướng dẫn sinh viên các viết một số báo cáo khoa học phù hợp với hướng nghiên cứu hiện nay của các nước phát triển.

43. Thương mại điện tử : Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các bộ ngành trung ương cũng xúc tiến hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tạo nên sự phát triển bền vững cho thương mại điện tử tại Việt Nam. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

44. Kế toán tài chính 1 : Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất từ khâu dự trữ - sản xuất - tiêu thụ và xác định kết quả. Học phần này giúp người học vận dụng Luật, chuẩn mực và chế độ, chính sách tài chính kế toán thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất, làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp

sản xuất, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất. Học phần này là nền tảng để sinh viên tiếp cận với học phần kế toán chuyên sâu của chuyên ngành Kế toán, kế toán kiểm toán như kế toán tài chính 2, lập và phân tích báo tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán báo cáo tài chính,...

45. Kế toán tài chính 2 : Học phần kế toán tài chính 2 trang bị kiến thức chuyên sâu hơn về kế toán tài chính. Trong môn học này, người học sẽ nghiên cứu các nghiệp vụ kế toán phức tạp hơn trong doanh nghiệp về vấn đề tỷ giá, nợ phải thu, phải trả, vốn chủ sở hữu, đầu tư tài chính, xác định kết quả kinh doanh ... Ở mức độ này, người học không chỉ vận dụng được hệ thống tài khoản mà cần giải thích được bản chất kinh tế của giao dịch, cách xử lý của chuẩn mực kế toán trong mối quan hệ với các quy định pháp lý khác.

46. Kế toán tài chính 3: Học phần Kế toán xây dựng cơ bản thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Kế toán và chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tại các đơn vị chủ đầu tư và đơn vị kinh doanh xây lắp. Từ đó, giúp người học vận dụng được Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến công tác kế toán trong đơn vị chủ đầu tư và đơn vị kinh doanh xây lắp.

47. Tổ chức công tác kế toán: Học phần này trang bị cho người học các kỹ năng nghề nghiệp về lựa chọn chứng từ kế toán, lập chứng từ kế toán, sử dụng, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán; Xác lập hệ thống tài khoản tổng hợp và tài khoản chi tiết tại doanh nghiệp; Lựa chọn hình thức kế toán, lựa chọn hệ thống sổ kế toán, tổ chức ghi sổ kế toán, sửa sổ kế toán trong các doanh nghiệp. Tuyển chọn nhân viên kế toán, bố trí sắp xếp công việc nhân viên kế toán trong doanh nghiệp.

48. Kế toán thuế : Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về thuế nói chung và các loại thuế phổ biến trong doanh nghiệp nói riêng; cung cấp các kiến thức về phương pháp hạch toán kế toán các loại thuế và sử dụng được phần mềm Hỗ trợ kê khai của Tổng cục thuế để kê khai các loại thuế theo quy định (như thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân).

49. Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức,

kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa từ khâu dự trữ - sản xuất - tiêu thụ và xác định kết quả.

50. Kế toán hành chính sự nghiệp: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các đơn vị HCSN và kiến thức cụ thể về nguyên tắc kế toán, chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến các phần hành kế toán trong đơn vị HCSN. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng phân tích kiến thức chuyên môn sâu để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến kế toán trong đơn vị HCSN.

51. Kế toán máy: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác kế toán; quy trình áp dụng kế toán máy trong các doanh nghiệp cũng như cách tổ chức thực hiện các phần hành kế toán trong doanh nghiệp trên một phần mềm kế toán cụ thể: từ việc xây dựng danh mục từ điển, cập nhật số dư đầu kỳ các tài khoản đến việc xử lý và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lên sổ sách và các Báo cáo tài chính;

52. Kế toán ngân hàng: Kế toán ngân hàng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế & QTKD. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về ngân hàng Nhà nước (NHNN) và trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng, cụ thể là các ngân hàng thương mại như: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt, tài sản cố định và công cụ dụng cụ, hoạt động thanh toán qua ngân hàng, kế toán vốn chủ sở hữu và xác định kết quả kinh doanh,...

53. Kế toán quốc tế : Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về kế toán quốc tế theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính (IFRS). Đồng thời, giúp người học tiếp cận phương pháp hạch toán kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế các phần hành cơ bản trong doanh nghiệp thương mại và lập báo cáo tài chính theo IFRS.

54. Kế toán quản trị : Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân loại chi phí; các phương pháp xác định chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận; định giá bán sản phẩm và đánh giá hoàn vốn đầu tư; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài

hạn của nhà quản trị; lập dự toán sản xuất kinh doanh.

55. Kế toán thương mại dịch vụ : Học phần Kế toán thương mại dịch vụ thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Kế toán và Kế toán, Kiểm toán tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, kinh doanh xuất, nhập khẩu, kinh doanh du lịch và dịch vụ. Từ đó, giúp người học vận dụng được Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ.

56. Kế toán ngân sách xã phường: Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về ngân sách tại đơn vị cấp phát - Kho bạc, tại đơn vị thụ hưởng - xã (phường) và phương pháp hạch toán kế toán. Kết thúc học phần, người học sẽ có một hệ thống các kiến thức chuyên ngành về các phần hành kế toán có liên quan đến ngân sách, biết cách hạch toán và lập hệ thống các báo cáo quyết toán ngân sách theo yêu cầu.

57. Kế toán ngân sách xã: Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về ngân sách tại đơn vị cấp phát - Kho bạc, tại đơn vị thụ hưởng - xã (phường) và phương pháp hạch toán kế toán. Kết thúc học phần, người học sẽ có một hệ thống các kiến thức chuyên ngành về các phần hành kế toán có liên quan đến ngân sách, biết cách hạch toán và lập hệ thống các báo cáo quyết toán ngân sách theo yêu cầu.

V. Hướng dẫn thực hiện

1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:
 - ° Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
 - ° Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
 - ° Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.
- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các Phòng, Khoa, Bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.
- Các Khoa, Bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

2. Hướng dẫn hoạt động giảng dạy và học tập

2.1 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch;

2.2 Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận;
- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá. Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người;

VI. CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Cam kết công khai thông tin

- Toàn bộ hồ sơ của Đề án mở ngành, bao gồm : Đề án mở ngành, Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, Đề cương chi tiết các môn học ...

- Các thông tin về 03 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên cũng như các thông tin liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường

Nhà trường sẽ công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://www.tuetech.edu.vn>.

2. Cam kết đảm bảo chất lượng

Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên cam kết thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công khai minh bạch mọi thông tin trong quá trình hoạt động và đảm bảo chất lượng giáo dục, đảm bảo quyền lợi cho người học.

VII. THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH CTĐT

Thời điểm điều chỉnh: tháng 8 năm 2024

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Đăng Bình